TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2018/HSST**
Ngày: **27/9/2018**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Ngô Rô Be**

2. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát *nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang* tham gia phiên tòa: Ông **Trần Chí Thức** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2018/HSST ngày 17 tháng 7 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/HSST-QĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Phan Thị Kiều G (Bé Tý) - sinh năm 1991 (có mặt)

Nơi ĐKTT: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 06/12. Con ông Phan Thanh L, sinh năm 1961 và bà Trương Thị Đ, sinh năm 1968. Chung sống với anh Lê Minh Đ có 02 người con: Lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất 2014 (Không đăng ký kết hôn) và chung sống với anh Lê Văn H có một người con sinh năm 2017 (không đăng ký kết hôn). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. **Nguyễn Văn L** - sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. **Ngô Tấn H** - sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKTT: ấp L, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

3. **Huỳnh Văn T (C)** - sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

4. **Danh Văn T** - sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 12/01/2018, Nguyễn Văn L cùng Phan Thị Kiều G (B) đi đến thành phố R, tỉnh Kiên Giang để chơi với người bạn của Nguyễn Văn L tên là B (quen khi đi làm thuê), B biết Nguyễn Văn L có sử dụng ma túy nên cho L một đoạn ống nhựa hàn kín hai đầu, bên trong có chứa ma túy (loại ma túy đá) đem về sử dụng, sau đó L chở Kiều G về nhà của L (nhà do L quản lý) ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang, đến khoảng 24 giờ cùng ngày thì L đổ ma túy của B cho vào nỏ (dụng cụ sử dụng ma túy) sử dụng từ 03 đến 04 vòng thì nghỉ, Kiều G ngủ lại nhà của L. Đến khoảng 09 giờ 20 phút ngày 13/01/2018, L điện thoại cho Ngô Tấn H mua 03 hộp cơm vào nhà L ăn, đến khoảng 10 giờ thì H mua cơm vào đem vào phòng ngủ của L cùng ăn, sau khi ăn cơm xong thì H thấy trong nỏ còn ma túy nên bật lửa đốt để sử dụng, sau đó đến L và Kiều G cùng sử dụng, mỗi người sử dụng từ 03 đến 04 vòng thì nghỉ. Đến khoảng 11 giờ 30 cùng ngày thì H mượn xe của L đi chơi, lúc này L điện thoại cho Danh Văn T kêu Huỳnh Văn T (C) đem con gà trống vào cho L, khi đem gà vào nhà của L thì Huỳnh Văn T đem ra sau nhà để nhốt, sau đó đi thẳng vào phòng của L, Huỳnh Văn T thấy trong nỏ còn ma túy nên bật lửa đốt sử dụng trước sau đó đến L và Kiều G. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì Kiều G điện thoại cho H đem quần áo vào cho Kiều G đi đám cưới và mua cơm vào ăn, khoảng 30 phút sau thì H đem đồ và cơm cùng chở theo Danh Văn T cùng vào nhà L, sau đó cùng vào phòng L ăn cơm, sau khi ăn cơm xong thì Danh Văn T lấy nỏ bật lửa sử dụng ma túy rồi đến Huỳnh Văn T, H và L mỗi người sử dụng ma túy từ 03 đến 04 vòng, lúc này Kiều G đi đám cưới còn lại Danh Văn T, L, Huỳnh Văn T, H ở lại tiếp tục sử dụng ma túy đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì hết ma túy trong nỏ nên cả nhóm tạm nghỉ.

Tất cả nguồn ma túy (ma túy đá) sử dụng đến thời điểm trên là của L bỏ ra cùng sử dụng chung. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, khi L đi đánh bóng chuyền về thì Danh Văn T đem nỏ ra chùi và nói với L là đã hết ma túy, thì L nói hỏi Huỳnh Văn T xem có không, Huỳnh Văn T nghe L nói vậy thì kêu Danh Văn T vào phòng của L đưa cho Danh Văn T một bịch ma túy (ma túy đá), nhưng Danh Văn T không nhận, vì vậy Huỳnh Văn T dùng kéo cắt bịch ma túy đổ vào nỏ bật lửa lên sử dụng trước, sau đó đến Danh Văn T, sau đó L đi vào

cùng sử dụng, riêng H không sử dụng, cả nhóm mỗi người sử dụng được khoảng 07 đến 08 vòng thì bị Công an huyện T bắt quả tang. Trong quá trình điều tra các bị can khai nhận ngoài ngày bị bắt quả tang thì Kiều G còn có nhiều lần vào nhà của L cùng sử dụng chung ma túy (ma túy đá), cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 21 giờ 30, ngày 16/12/2017, L cùng với Danh Văn T và Kiều G cùng sử dụng ma túy tại nhà L.

Lần thứ hai: Vào khoảng 20 giờ, ngày 14/12/2017, L cùng với Danh Văn T và Kiều G cùng sử dụng ma túy tại nhà L.

Lần thứ ba: Vào khoảng 07 giờ 30, ngày 10/12/2017, L cùng với Danh Văn T, H và Kiều G cùng sử dụng ma túy tại nhà L.

Lần thứ tư: Vào khoảng 22 giờ, không nhớ ngày, tháng 12/2017, L cùng với T2 (T Ch) và Kiều G cùng sử dụng ma túy tại nhà L.

Lần thứ năm: Vào khoảng 13 giờ, ngày 06/01/2018, L cùng với Kiều G, Huỳnh Văn T cùng sử dụng ma túy tại nhà L.

Lần thứ sáu: Vào khoảng 14 giờ, ngày 09/01/2018, L cùng với Huỳnh Văn T và Kiều G cùng sử dụng ma túy tại nhà L.

Lần thứ bảy: Vào khoảng 13 giờ 30, ngày 10/01/2018, L cùng với Kiều G, H, L2 (không rõ địa chỉ) cùng sử dụng ma túy tại nhà L.

Đối với bị cáo Phan Thị Kiều G là đối tượng không có việc làm ổn định, thường xuyên tụ tập với các bị cáo còn lại sử dụng trái phép chất ma túy; sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn, hết thời hạn điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra ra quyết định truy nã và tạm đình chỉ điều tra, đến ngày 03/7/2018 bị cáo Phan Thị Kiều G đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Kiên Giang đầu thú; sau khi phạm tội bị cáo có thái độ thành khẩn, thật thà khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

* Ngày bị bắt quả tang Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Kiên Giang thu giữ gồm:

- Thu giữ tại phòng ngủ của Nguyễn Văn L:

+ 01 (một) bình nhựa trên nắp có gắn nỏ thủy tinh dùng để sử dụng ma túy.

+ 02 (hai) cái nỏ thủy tinh dùng để sử dụng ma túy.

+ 02 (hai) cây kéo bằng kim loại, màu trắng, đã qua sử dụng (dùng cắt bịch nylon đựng ma túy).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, đã qua sử dụng.

- Thu giữ trên người của Huỳnh Văn T:

+ 15 (mười lăm) bịch nylon đã được hàn kín, kích thước khoảng 01cm x 02 cm, bên trong có chứa nhiều hạt tinh thể trong suốt không đồng nhất, nghi là ma túy đá, đã được niêm phong (được ký hiệu Mẫu 01).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, màu xám, đã qua sử dụng.

- Thu giữ trên người của Ngô Tấn H:

+ 03 (ba) bịch nylon đã được hàn kín, bên trong có chứa nhiều hạt tinh thể trong suốt không đồng nhất. Trong đó có 01 (một) bịch có kích thước khoảng 02 cm x 05 cm, 02 (hai) bịch có kích thước khoảng 01cm x 02 cm, nghi là ma túy đá, đã được niêm phong (được ký hiệu Mẫu 02).

+ 01 (một điện thoại di động hiệu Itel, màu xanh, đã qua sử dụng.

- Thu trên người của Danh Văn T:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu đen, đã qua sử dụng.

* Kết luận giám định số 37/KL-KTHS ngày 16/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận:

- Mẫu 01: Nhiều hạt tinh thể trong suốt không đồng nhất chứa trong 15 (mười lăm) bịch nylon được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Trọng lượng mẫu gửi giám định là 1,2835 gam.

- Mẫu 02: Nhiều hạt tinh thể trong suốt không đồng nhất chứa trong 03 (ba) bịch nylon được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Trọng lượng mẫu gửi giám định là 1,4435 gam.

* Xử lý vật chứng: Hiện các vật chứng thu giữ trong vụ án còn lại đang được bảo quản tại kho vật chứng thuộc Cơ quan thi hành án dân sự huyện T, theo Quyết định chuyển vật chứng số 13/QĐ-VKS-TH ngày 11/7/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Bản cáo trạng số 22/CT-VKS-TH ngày 17/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo **Phan Thị Kiều G** về tội "Không tố giác tội phạm" theo khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phan Thị Kiều G. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên xử bị cáo Phan Thị Kiều G phạm tội "Không tố giác tội phạm".

Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 390 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị Kiều G mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Các vật chứng thu giữ trong vụ án còn lại đang được bảo quản tại kho vật chứng thuộc Cơ quan thi hành án dân sự huyện T, theo Quyết định chuyển vật chứng số 13/QĐ-VKS-TH ngày 11/7/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang, sẽ được giải quyết sau trong vụ án "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy", "Tàng trữ trái phép chất ma

túy" và "Không tố giác tội phạm" đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Ngô Tấn H, Huỳnh Văn T và Danh Văn T.

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo Giếng đã nhận thức rõ hành vi sai trái của mình và rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và vật chứng đã thu giữ. Từ đó có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 10/12/2017 đến ngày 13/01/2018, bị cáo Phan Thị Kiều G đã nhiều lần vào nhà Nguyễn Văn L thuộc số 126, tổ 02, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang để cùng L và nhiều người khác sử dụng ma túy, bị cáo Kiều G biết L sử dụng địa điểm là nhà của L quản lý để cho nhiều người vào sử dụng trái phép chất ma túy nhiều lần nhưng không tố giác hành vi của Nguyễn Văn L.

Theo bản kết luận giám định số: 37/KL-KTHS ngày 16/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang: tổng trọng lượng số ma túy thu giữ được là 2,727 gam và thu giữ nhiều vật chứng khác liên quan đến vụ án.

Bị cáo Kiều G đã khai nhận biết rõ hành vi "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" của Nguyễn Văn L từ ngày 10/12/2017 nhưng do bị cáo Kiều G cùng với L và nhiều người khác cùng sử dụng ma túy nên bị cáo G không tố giác hành vi "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" của Nguyễn Văn L, đến ngày 13/01/2018 thì bị lực lượng Công an huyện T, tỉnh Kiên Giang khám xét bắt quả tang.

Từ những phân tích, đánh giá trên đã đủ cơ sở để Hội đồng xét xử khẳng định hành vi của bị cáo Phan Thị Kiều G đủ yếu tố cấu thành tội "Không tố giác tội phạm" được quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo G là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động tư pháp đấu tranh phòng chống tội phạm, bị cáo biết rõ hành vi "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" của Nguyễn Văn L từ 10/12/2017 là vi phạm pháp luật mà không can ngăn hoặc báo cho chính quyền địa phương biết trong khi bị cáo có đủ khả năng và điều kiện thực hiện việc tố giác, mà ngược lại bị cáo cùng với L và nhiều người khác sử dụng ma túy. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm. Do đó cáo trạng của VKS nhân dân huyện T truy tố bị cáo Phan Thị Kiều G về tội "Không tố giác tội phạm" theo khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: bị cáo G biết L chứa chấp những người khác sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng ngủ của L nhiều lần, nhưng không tố giác nên áp dụng tình tiết tăng nặng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không có tiền án, tiền sự, sau khi ra quyết định truy nã và tạm đình chỉ điều tra, thì đến ngày 03/7/2018 bị cáo G đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Kiên Giang đầu thú nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo theo mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật, cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng thu giữ trong vụ án đang được bảo quản tại kho vật chứng thuộc Cơ quan thi hành án dân sự huyện T, theo Quyết định chuyển vật chứng số 13/QĐ-VKS-TH ngày 11/7/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang, sẽ được giải quyết sau trong vụ án "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy", "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và "Không tố giác tội phạm" đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Ngô Tấn H, Huỳnh Văn T và Danh Văn T, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Phan Thị Kiều G** phạm tội "Không tố giác tội phạm".

Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Phan Thị Kiều G 06 (sáu) tháng tù.** Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phan Thị Kiều G phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Tấn H, Huỳnh Văn T, Danh Văn Th vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THADS huyện T;*
- *Công an huyện T;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN VĂN CHIẾN